

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 163/2019/DS-PT

Ngày: 03/5/2019

V/v: yêu cầu mở lối đi qua

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Cùng các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Phạm Văn Ngọt

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2018/TLPT-DS ngày 14/12/2018 về yêu cầu mở lối đi qua.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2019/QĐ-PT ngày 31/01/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Phan Văn H, sinh năm 1960 (vắng mặt)
2. Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1960 (có mặt)
3. Phan Thị Thu Th, sinh năm 1981 (vắng mặt)
4. Phan Văn L, sinh năm 1983 (vắng mặt)
5. Phan Thị Bé T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà C, chị Th, anh L, chị T là ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1945; địa chỉ: Số nhà 367D, ấp 4, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn:

1. Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1957 (có mặt)
 2. Nguyễn Đức Á, sinh năm 1976 (xin vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre
- Người kháng cáo: Bà Trần Thị Mỹ C

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ C cũng là người được các đồng nguyên đơn ông Phan Văn H, chị Phan Thị Thu Th, anh Phan Văn L, chị Phan Thị Bé T ủy quyền trình bày:

Năm 2002, bà Phạm Thị Thu Lan ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn H 4.235m² và đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 03/4/2002 và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ ông H ngày 16/10/2015, thửa 52, tờ bản đồ 10, diện tích 4.268,9m² tại ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. Phần đất còn lại của bà Lan (thửa 664, tờ bản đồ số 2 trước đây), nay là thửa 54, tờ bản đồ 10, tọa lạc ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre giáp ranh thửa đất số 52, tờ bản đồ 10 của gia đình ông H. Giữa gia đình ông H và bà Lan có thỏa thuận miệng là gia đình ông H được đi trên bờ đê thửa đất 54, tờ bản đồ 10 của bà Lan để ra đường công cộng, phải bắt cây cầu đê qua cái mương nước do gia đình ông H và bà Lan cùng sử dụng vào năm 2002. Đến đầu năm 2016, không biết có sự chuyển nhượng thế nào mà bà Phạm Thị Mỹ L, anh Nguyễn Đức Á không có sự thỏa thuận gì cả mà làm hàng rào lưới B40 trên bờ bao song song với lộ đê, không cho gia đình ông H ra lộ đê nữa nên gia đình ông H có làm đơn xin hòa giải ở xã được chính quyền địa phương lập nhiều biên bản nhưng không Th vì bà L cho rằng bà đứng tên chủ quyền sử dụng thửa đất 54, tờ bản đồ 10. Do không có đường nào để ra đường công cộng nên các nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L, anh Nguyễn Đức Á mở lối đi cho các nguyên đơn theo đo đạc có diện tích 42,8m² thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ 10 (theo họa đồ là thửa 54 TC), tọa lạc ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Phạm Thị Mỹ L đứng tên quyền sử dụng và tháo dỡ hàng rào đoạn AB, CD trên lối đi, nguyên đơn sẽ bồi hoàn lại giá trị hàng rào và giá trị đất theo định giá.

Bị đơn anh Nguyễn Đức Á trình bày: Phần đất mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi là do bà Phạm Thị Mỹ L đứng tên, anh chỉ quản lý sử dụng dùm bà L. Phần đất nguyên đơn yêu cầu mở lối đi trước đây gia đình ông H chỉ có sử dụng đi một lần vào mùa chôm chôm, mấy năm gần đây không sử dụng nữa, hiện gia đình ông H có lối đi khác qua đất của ông Hai Dực để vận chuyển chôm chôm.

Mọi vấn đề thương L giữa bà L và nguyên đơn như thế nào thì để bà L quyết định và đề nghị tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị Mỹ L trình bày: Phần đất mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi là do bà đứng tên quyền sử dụng nhưng người đang quản lý phần đất là anh Nguyễn Đức Á (anh Á quản lý dùm bà). Phần đất nguyên đơn yêu cầu mở lối đi từ trước đến giờ không phải là lối đi, phần đất này là sA mộ của ông bà, một số mộ bị lạn, mộ này là mộ của ông bà của bà và của rất nhiều người bà con khác trong gia đình, phần đất mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi hiện bà đã rào kiên cố bằng lưới B40 đã 02 năm nay, trước đây thì rào bằng tre nứa, hiện tại đất vườn của bà giáp đất vườn của ông H, bà C. Gia đình ông H, bà C trước đây muốn đi vào vườn thì phải gỡ hàng rào tre nứa của bà để vào vườn, trước đây chỉ có một lần duy nhất là có người mua chôm chôm, ông H, bà C hỏi bà để bắt cây cầu tạm qua đất của bà để vận chuyển chôm chôm, hết mùa chôm chôm thì rút cây cầu, bà xác định từ trước đến giờ không có lối đi chính thức nào đi từ đất ông H, bà C qua đất của bà để ra lộ công cộng, bà đã rào đất từ lâu và mấy năm nay ông H, bà C không có đi trên phần đất này. Hiện tại bà thấy ông H, bà C chở phA, chở chôm chôm qua đất của ông hai Dục để ra đường công cộng, phần đất mà nguyên đơn yêu cầu mở lối đi không là con đường duy nhất để gia đình ông H ra lộ công cộng, phần đất này bà đã rào từ lâu, ngay cả bản thA bà cũng không có đi trên phần đất này nên bà không đồng ý cho các nguyên đơn mở lối đi.

Tại Bản án số 56/2018/DS-ST ngày 22/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng Điều 245, 254 Bộ luật dân sự; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phan Văn H, Trần Thị Mỹ C, Phan Thị Thu Th, Phan Văn L, Phan Thị Bé T về việc yêu cầu bị đơn Phạm Thị Mỹ L, Nguyễn Đức Á mở lối đi theo đo đạc có diện tích 42,8m² thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ 10, tọa lạc ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Phạm Thị Mỹ L đứng tên quyền sử dụng đất (có trích lục họa đồ vị trí phần đất kèm theo).

[2] Về chi phí tố tụng là 1.805.000 đồng, nguyên đơn chịu, đã nộp xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/10/2018 bà Trần Thị Mỹ C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị buộc bị đơn Phạm Thị Mỹ L, Nguyễn Đức Á mở lối đi theo đo đạc có diện tích 42,8m² thuộc một phần thửa 54,

tờ bản đồ 10, tọa lạc ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Phạm Thị Mỹ L đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời, phía nguyên đơn đề nghị nếu yêu cầu mở lối đi như trên không được chấp nhận thì đề nghị HĐXX xem xét cho các nguyên đơn sử dụng con mương làm lối đi để ra lộ công cộng. Bà L không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: phần lối đi tranh chấp mà nguyên đơn yêu cầu nằm trên phần đất của bà L. Lối đi tranh chấp có các ngôi mộ của gia đình bà L. Ngoài lối đi tranh chấp thì phía nguyên đơn có thể sử dụng các lối đi khác qua đất ông tư Dục, đất bà Huệ. Bà C kháng cáo nhưng không cung cấp thêm các chứng cứ gì khác. Kháng cáo của bà C là không có cơ sở. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các nguyên đơn yêu cầu bị đơn mở lối đi có diện tích qua đo đạc thực tế có diện tích là tích $42,8m^2$ thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ 10, tọa lạc ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Phạm Thị Mỹ L đứng tên quyền sử dụng đất. Phía bị đơn là bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà L cho rằng phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà và đây cũng không phải là lối đi duy nhất để các nguyên đơn đi ra đường công cộng.

[2] Các đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất có lối đi tranh chấp là của cha mẹ bà L để lại cho chị ruột của bà L là bà Phạm Thị Mỹ Lan. Năm 2011 bà Lan tặng cho bà L thửa đất. Theo bà Lan, trước khi bà tặng cho bà L phần đất thì gia đình bà Lan cũng như những người dâ khác sống giáp đất kẻ cả gia đình ông H, bà C không sử dụng lối đi đang tranh chấp để đi vào đất. Phần đất mà gia đình ông H, bà C đang canh tác trước đây là của ông Tư Quang. Khi đang sử dụng đất thì ông Tư Quang cũng không đi trên lối đi tranh chấp mà ông Tư Quang đi qua đất của ông Bên. Do đó, nguyên đơn cho rằng lối đi đã có từ lâu là không có cơ sở.

[3] Hiện trạng sử dụng đất thì phần đất tranh chấp có nhiều ngôi mộ của người thA gia đình bà L. Phía ông H, bà C cũng không có nhu cầu cất nhà kiên cố và sinh hoạt thường xuyên trên phần đất giáp đất bà L mà chỉ làm vườn trên đất. Khi bà L rào đất thì phía nguyên đơn cũng không có ý kiến gì mà chỉ sau này mới tranh chấp. Mặt khác, theo xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm ngoài lối đi đang tranh chấp thì phía nguyên đơn còn có thể sử dụng nhiều lối đi khác để đi ra lộ

công cộng như đi qua đất của bà Phạm Thị Thu Huệ, ông Nguyễn Văn Dực và ông Bên. Bà Huệ, ông Dực và ông Bên không ngăn cản và sẵn sàng tạo điều kiện cho gia đình ông H đi qua đất. Lối đi này mặc dù có xa hơn lối đi mà các nguyên đơn yêu cầu nhưng việc sử dụng lối đi này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ai. Bên cạnh đó, hiện tại các nguyên đơn cũng đang sử dụng lối đi khác và phía bà L cũng không đồng ý mở lối đi nên yêu cầu của các nguyên đơn là không có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, HĐXX thấy rằng cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện và đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Kháng cáo của bà C là không có căn cứ chấp nhận. Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà C phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 308, Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Mỹ C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2018/DS-ST ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Phan Văn H, Trần Thị Mỹ C, Phan Thị Thu Th, Phan Văn L, Phan Thị Bé T về việc yêu cầu bị đơn Phạm Thị Mỹ L, Nguyễn Đức Ân mở lối đi theo đo đạc có diện tích 42,8m² thuộc một phần thửa 54, tờ bản đồ 10, tọa lạc ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre do bà Phạm Thị Mỹ L đứng tên quyền sử dụng đất (có trích lục họa đồ vị trí phần đất kèm theo)

2. Về chi phí tố tụng là 1.805.000 đồng, nguyên đơn chịu, đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các nguyên đơn Phan Văn H, Trần Thị Mỹ C, Phan Thị Thu Th, Phan Văn L, Phan Thị Bé T chịu án phí với số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015795 ngày 23/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn đã nộp xong án phí.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Mỹ C phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0020515 ngày 02/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành là đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Phạm Kim Cũa

Huỳnh Ngọc Dũng